

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Đồng Tháp năm 2026 và những năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-BKHCN ngày 27/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Khung Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025; Công văn số 1038/BKHCN-ĐP ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bố trí kinh phí triển khai Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp địa phương hàng năm; Công văn số 2263/BKHCN-ĐMST ngày 10/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp triển khai chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương từ năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Đồng Tháp năm 2026 và những năm tiếp theo như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (PII) TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2025

Năm 2025, Chỉ số Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp đạt **37,66 điểm** (trong đó, điểm số đầu vào đạt 30,4 điểm, điểm số đầu ra đạt 44,93 điểm); **xếp hạng 18/34** tỉnh, thành phố trong cả nước và đứng thứ 3 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

Do vậy, cần tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao hơn nữa Chỉ số Đổi mới sáng tạo, trong đó, trọng tâm là (1) Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; (2) Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; (3) Tăng cường đầu tư hạ tầng số, xây dựng và vận hành hiệu quả chính quyền điện tử; (4) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực quản trị; (5) Phát triển thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm tri thức và thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

II. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế; ưu tiên cải thiện các nhóm chỉ số có mức điểm trung bình - thấp, đặc biệt là các chỉ số ở mức 0 điểm hoặc ≤ 20 điểm.

- Duy trì và nâng cao các chỉ số có điểm mạnh nhằm giữ ổn định thứ hạng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Tăng cường nhận thức và trách nhiệm của các cấp chính quyền, sở, ban, ngành tỉnh trong việc nâng cao Chỉ số PII.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch được triển khai đồng bộ ở các cấp chính quyền; cần kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các sở, ban, ngành tỉnh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các xã, phường. Xác định việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PII là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và lâu dài của các cơ quan, đơn vị.

- Các sở, ban, ngành tỉnh (*đặc biệt là cơ quan chủ trì*) phải đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến việc xác định Chỉ số PII.

- Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu cải thiện và nâng cao Chỉ số PII, có biện pháp khắc phục và tổ chức triển khai có hiệu quả việc nâng cao Chỉ số PII của tỉnh trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

III. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, cải thiện thứ hạng chỉ số PII và tạo tác động lan tỏa đến môi trường kinh doanh, doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2026

- Tiếp tục duy trì và nâng điểm của các chỉ số thành phần được đánh giá ở mức cao (*từ 50 điểm trở lên*).

- Nâng tối thiểu **2%** các chỉ số thành phần dưới 30 điểm so với năm 2025.

b) Sau năm 2026

- Tiếp tục duy trì và nâng điểm của các chỉ số thành phần được đánh giá ở mức cao.

- Bảo đảm các chỉ số thành phần dưới 30 điểm được cải thiện và tăng tối thiểu 2% các chỉ số thành phần dưới 30 điểm so với năm liền kề trước.

- Điểm đánh giá Chỉ số PII của tỉnh phải tăng tối thiểu 01 điểm so với kết quả đánh giá của năm liền kề trước.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, tập trung thực hiện các

nhiệm vụ được giao (*theo phân công chi tiết tại Phụ lục II đính kèm*) tập trung thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (Trụ cột 1)

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, doanh nghiệp khoa học và công nghệ (*KH&CN*), doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng: giảm đầu mục, giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm tiếp xúc trực tiếp.

- Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số; thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng chữ ký số.

- Số hóa hồ sơ, đồng bộ dữ liệu giữa các ngành: dân cư - doanh nghiệp - đất đai - đầu tư - thuế - bảo hiểm - thống kê.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (Trụ cột 2)

a) Phát triển nhân lực chất lượng cao

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao.

- Bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số, công nghệ số, năng lực quản trị đổi mới sáng tạo cho đội ngũ quản lý nhà nước.

- Phối hợp các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp triển khai các chương trình đào tạo theo nhu cầu thị trường.

b) Phát triển năng lực nghiên cứu (R&D) và hệ sinh thái khoa học - công nghệ

- Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và thử nghiệm công nghệ; ưu tiên lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác giữa viện - trường - doanh nghiệp trong phát triển sản phẩm, giải pháp công nghệ.

c) Hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo

- Khuyến khích doanh nghiệp thành lập bộ phận R&D, áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, ISO, truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả Không gian Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức định kỳ các hội thảo, diễn đàn: Techmart, Techshow, Mekong Startup, Ngày Hội khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Tăng cường đầu tư hạ tầng số, xây dựng và vận hành hiệu quả chính quyền điện tử (Trụ cột 3)

a) Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại

- Đầu tư, nâng cấp mạng truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, an toàn thông tin.

- Tăng độ phủ internet băng rộng cố định và di động; ưu tiên vùng nông thôn, khu công nghiệp, khu dịch vụ.

- Triển khai hệ thống giám sát, điều hành thông minh (IOC), hệ thống cảnh báo - phân tích dữ liệu thời gian thực.

b) Xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử, quản trị số

- Chuẩn hóa kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử của Chính phủ.

- 100% văn bản điều hành được ký số, trao đổi qua hệ thống điện tử.

- Đồng bộ hóa các nền tảng công nghệ thông tin cơ bản; nâng tỷ lệ hồ sơ xử lý mức độ 4; tăng tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn, trước hạn.

- Ứng dụng chữ ký số, thanh toán trực tuyến, định danh số phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- Liên thông dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương để giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin.

c) Hạ tầng phục vụ kinh tế số và chuỗi sản xuất

Nâng cấp hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng: Hạ tầng IoT - dữ liệu - logistics số hóa; Trung tâm điều hành an toàn thông tin mạng và dữ liệu doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực quản trị (Trụ cột 4 và 5)

a) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn

- Tham mưu cơ chế ưu tiên tín dụng, vốn vay ưu đãi, bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Kết nối ngân hàng - quỹ phát triển doanh nghiệp - quỹ KH&CN trong doanh nghiệp - quỹ đầu tư tư nhân.

- Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ tài chính, phương án kinh doanh, hồ sơ dự án để tiếp cận vốn vay.

- Tổ chức chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp (1 - 2 lần/năm).

b) Thúc đẩy đổi mới công nghệ

- Xây dựng danh mục công nghệ ưu tiên chuyển giao phù hợp định hướng phát triển ngành/lĩnh vực của tỉnh.

- Tổ chức tư vấn đánh giá hiện trạng công nghệ doanh nghiệp; đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ theo từng ngành.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản trị, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, logistics.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chuyên gia, viện - trường, tổ chức KH&CN trong hoạt động R&D.

c) Nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp

- Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng: ISO, HACCP, VietGAP, MES, ERP...

- Thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi mô hình quản trị theo tiêu chuẩn quản trị hiện đại, quản trị công ty minh bạch.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị điều hành: hóa đơn điện tử, chữ ký số, phần mềm điều hành, quản lý dữ liệu...

5. Phát triển thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm tri thức và thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu (Trụ cột 6 và 7)

a) Phát triển thị trường KH&CN và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

- Xây dựng và vận hành sàn giao dịch công nghệ; phát triển dịch vụ trung gian công nghệ: tư vấn, môi giới, giám định, định giá và chuyển giao công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; mở rộng kênh phân phối vào hệ thống bán lẻ, chuỗi siêu thị, điểm kết nối cung - cầu sản phẩm KH&CN.

- Tổ chức các hội chợ, triển lãm công nghệ, Techmart, sự kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp - nhà đầu tư.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chuyên gia, tổ chức R&D để nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng; tiếp nhận công nghệ mới và công nghệ tiên tiến; xây dựng chuỗi cung ứng - logistics - chuẩn truy xuất nguồn gốc.

b) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và nâng cao giá trị tài sản trí tuệ

- Ban hành các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tạo hành lang pháp lý cho hoạt động ươm tạo, tăng tốc, đầu tư và thương mại hóa sản phẩm; đồng

thời áp dụng các cơ chế ưu đãi về thuế, mặt bằng, tín dụng và quỹ phát triển khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển bền vững.

- Thành lập Câu lạc bộ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành mạng lưới cố vấn - chuyên gia - nhà đầu tư - viện trường phục vụ đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức sự kiện: doanh nghiệp với quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần và ngân hàng; Techfest, chương trình tăng tốc...

- Hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng, giải pháp hữu ích,...

- Xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, gắn với OCOP, đặc sản địa phương và chuỗi giá trị.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch:

- Sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch có liên quan để triển khai thực hiện.

- Định kỳ tháng 6 hàng năm, đối với các nhiệm vụ đơn vị có sử dụng nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các đơn vị xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí cho năm tiếp theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PII năm 2026 và các năm tiếp theo; yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường đổi mới phương pháp thực hiện, nắm vững nội dung các chỉ số thành phần, chủ động tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số PII, cụ thể như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần: Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tài sản trí tuệ; phát triển thị trường công nghệ*); số tổ chức KH&CN/10.000 dân; doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (*R&D*); Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp; Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO, nhóm chỉ số Tài sản vô hình; Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Tuyên truyền, khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; nâng cao số lượng đơn đăng ký.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; tăng số lượng doanh nghiệp KH&CN; nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

- Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách về chuyển đổi số. Chủ trì tham mưu các giải pháp thực hiện nâng cao chỉ số thành phần Quản trị điện tử.

- Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện, áp dụng Chỉ số PII.

- Chủ trì, phối hợp Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh tăng cường thông tin, tuyên truyền về kết quả Chỉ số PII và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân biết, giám sát việc thực hiện.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu bố trí kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu ban hành và triển khai hiệu quả các chính sách, quy định trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp; giúp thúc đẩy, nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này tùy tình hình khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KH&CN cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trong tỉnh; tuyên truyền, khuyến khích nhằm nâng cao số lượng học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông.

- Chủ trì tham mưu các giải pháp thực hiện nâng cao chỉ số thành phần “Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo”.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu ban hành chính sách phát triển cụm công nghiệp, thu hút các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp góp phần tăng tỷ lệ “*Số dự án trong các cụm công nghiệp/1000 doanh nghiệp chế biến chế tạo*”; tham mưu ban hành chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics của tỉnh Đồng Tháp.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chất lượng các sản phẩm OCOP.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các Khu công nghiệp.

7. Sở Nội vụ

Tham mưu các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực hiện đang được thực hiện ở tỉnh Đồng Tháp.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tham mưu các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch của tỉnh Đồng Tháp.

9. Thống kê tỉnh

Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu phục vụ báo cáo Bộ Chỉ số PII tỉnh Đồng Tháp.

10. Các sở, ban, ngành tỉnh

Rà soát các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị quản lý; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai có hiệu quả ở cấp địa phương, đơn vị đạt mục tiêu đề ra, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với tiêu chí của PII trên địa bàn.

- Triển khai công tác tuyên truyền và tiếp cận chính sách đến người dân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận chính sách đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ.

- Chủ động rà soát, vận động và đề xuất thành lập tối thiểu 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn; chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Đồng Tháp năm 2026 và những năm tiếp theo. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 31/12 hằng năm** (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp)/.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH tỉnh;
- VP UBND: CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (KD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ 07 TRỤ CỘT, 52 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
BỘ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2025 CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Trụ cột 1: Thể chế

Trụ cột 1: gồm 02 nhóm chỉ số, 07 chỉ số thành phần, đạt **55,85** điểm, xếp hạng **20/34** tỉnh/thành phố.

- Chỉ số 1.1. Môi trường chính sách:

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
1.1.1	Chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế xã hội (STI)	37,02
1.1.2	Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự	37,82
1.1.3	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	70,53

- Chỉ số 1.2. Môi trường kinh doanh:

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
1.2.1	Chi phí gia nhập thị trường	80,81
1.2.2	Tính năng động của chính quyền	68,83
1.2.3	Cải cách hành chính	47,41
1.2.4	Cạnh tranh bình đẳng	55,89

*** Đánh giá**

(1) Điểm mạnh: Môi trường gia nhập thị trường thuận lợi, chi phí thấp (80,81 điểm); chính quyền có tính năng động (68,83); chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tương đối kịp thời, hiệu quả (70,53 điểm); Cạnh tranh bình đẳng được cải thiện, góp phần minh bạch môi trường kinh doanh (55,89 điểm).

(2) Điểm yếu: Chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo còn yếu (37,02 điểm), chưa tạo động lực nâng cao năng suất; Thiết chế pháp lý - an ninh trật tự chưa ổn định (37,82 điểm); Cải cách hành chính chưa đáp ứng kỳ vọng, số hóa thủ tục còn hạn chế (47,41 điểm).

2. Trụ cột 2: Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển

Trụ cột 2 gồm 02 nhóm chỉ số, có 07 chỉ số thành phần, đạt **22,14** điểm, xếp thứ hạng **28/34** tỉnh/thành phố.

- Chỉ số 2.1. Giáo dục

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
2.1.1	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT	52,39
2.1.2	Học sinh đạt giải kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia, THPT	12,84
2.1.3	Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân 1 người đi học	48,19

- Chỉ số 2.2. Nghiên cứu và Phát triển

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
2.2.1	Nhân lực nghiên cứu phát triển/10,000 dân	8,76
2.2.2	Tỉ lệ chi ngân sách địa phương cho KH&CN	12,50
2.2.3	Tỉ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển	4,63
2.2.4	Số tổ chức KH&CN/10,000 dân	00.00

* Đánh giá

(1) Điểm mạnh: Chất lượng đầu ra THPT tương đối ổn định (52,39 điểm) là nền tảng thuận lợi cho phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn tới.

(2) Điểm yếu: Các chỉ số còn lại đều ở mức thấp, chỉ số nhân lực nghiên cứu phát triển/10.000 dân thấp (8,76 điểm), cho thấy chưa hình thành đội ngũ chuyên sâu; tỷ lệ chi cho KH&CN và nghiên cứu và phát triển rất thấp (4,63 - 12,50 điểm); Số tổ chức KH&CN/10.000 dân bằng 0. Điều này cho thấy hệ sinh thái nghiên cứu và phát triển còn hạn chế, thiếu tổ chức nghiên cứu chuyên trách và chưa hình thành năng lực khoa học - công nghệ đủ mạnh để hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển đổi mới sáng tạo.

3. Trụ cột 3: Cơ sở hạ tầng

Trụ cột 3 gồm 02 nhóm chỉ số, 5 chỉ số thành phần, đạt **45,87** điểm, xếp thứ hạng **23/34** tỉnh/thành phố.

- Chỉ số 3.1. Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
3.1.1	Hạ tầng số	62,22
3.1.2	Quản trị điện tử	00,00

- Chỉ số 3.2. Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái (có 03 chỉ số thành phần):

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
3.2.1	Hạ tầng cơ bản	50,85
3.2.2	Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng	31,03
3.2.3	Quản trị môi trường	100,0

*** Đánh giá**

(1) Điểm mạnh: Hạ tầng số (62,22 điểm) và hạ tầng cơ bản (50,85 điểm) đạt mức khá, thể hiện nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và kết cấu kỹ thuật chung đã được quan tâm đầu tư; Quản trị môi trường (100,00 điểm) đạt mức rất cao, là chỉ số nổi trội, thể hiện định hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

(2) Điểm yếu: Quản trị điện tử (0,00 điểm) cho thấy dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu số, liên thông thông tin chưa vận hành hiệu quả; Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp được xây dựng kết cấu hạ tầng (31,03 điểm) còn thấp, thể hiện khả năng đáp ứng mặt bằng sản xuất – thu hút đầu tư còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến thu hút đầu tư.

4. Trụ cột 4: Trình độ phát triển của thị trường

Trụ cột 4 gồm 02 nhóm chỉ số, có 7 chỉ số thành phần: đạt **27,96** điểm, xếp thứ hạng **27/34** tỉnh/thành phố.

- Chỉ số 4.1. Tài chính và đầu tư

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
4.1.1	Tín dụng cho khu vực tư nhân	25,39
4.1.2	Vay tài chính vi mô	86,88
4.1.3	Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp	14,62
4.1.4	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp	12,53

- Chỉ số 4.2. Quy mô thị trường

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
4.2.1	Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN	17,69
4.2.2	Mật độ doanh nghiệp	8,18
4.2.3	Đóng góp vào GDP cả nước	37,30

*** Đánh giá:**

(1) Điểm mạnh: Một số chỉ số có kết quả tích cực, nổi bật là chỉ số vay tài chính vi mô (86,88 điểm), cho thấy khả năng tiếp cận nguồn vốn nhỏ của các hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ và cá nhân tương đối thuận lợi; đóng góp vào

GDP cả nước (37,30 điểm), bước đầu phản ánh tiềm năng tăng trưởng và dự địa phát triển các ngành kinh tế tạo giá trị gia tăng cao.

(2) Điểm yếu: Các chỉ số còn lại đều có điểm số thấp và thứ hạng của Trụ cột 4 ở nhóm cuối cả nước, cho thấy môi trường tài chính - đầu tư và quy mô thị trường chưa thật sự hấp dẫn, khả năng huy động và phân bổ vốn cho sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp còn hạn chế, thể hiện qua các chỉ số vốn sản xuất kinh doanh bình quân (14,62 điểm) và giá trị tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn (12,53 điểm); tín dụng thương mại và tín dụng tư nhân chưa được khai thác hiệu quả (25,39 điểm), doanh nghiệp vẫn gặp khó trong tiếp cận vốn do các yêu cầu về tài sản bảo đảm, hồ sơ và điều kiện vay. Quy mô thị trường còn nhỏ, mật độ doanh nghiệp thấp (8,18 điểm); số lượng doanh nghiệp dịch vụ KH&CN chưa nhiều, chưa tạo được tác động lan tỏa và sức bật cho tăng trưởng kinh tế.

5. Trụ cột 5: Trụ cột Trình độ phát triển của doanh nghiệp

Trụ cột 5 gồm 03 nhóm chỉ số, có 09 chỉ số thành phần: đạt **17,07** điểm, xếp thứ hạng **32/34** tỉnh/thành phố

- Chỉ số 5.1. Lao động kiến thức

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
5.1.1	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động	34,33
5.1.2	Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo	1,17
5.1.3	Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển	25,00

- Chỉ số 5.2. Liên kết sáng tạo

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
5.2.1	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	0,00
5.2.2	Số dự án đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1000 doanh nghiệp chế biến chế tạo	14,83
5.2.3	Số dự án trong các cụm công nghiệp/1000 doanh nghiệp chế biến chế tạo	9,88

- Chỉ số 5.3. Hấp thu tri thức

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
5.3.1	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài	6,11
5.3.2	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	17,14
5.3.3	Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO	45,20

* **Đánh giá:**

(1) Điểm mạnh: Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO bước đầu hình thành tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất (45,20 điểm).

(2) Điểm yếu: Tỷ lệ lao động qua đào tạo rất thấp (1,17 điểm), nên chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghệ cao; Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp gần như không có (0 điểm); Hoạt động đổi mới sáng tạo và R&D quy mô nhỏ, chưa lan tỏa.

6. Trụ cột 6: Trụ cột Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

Trụ cột 6 gồm 03 nhóm chỉ số, có 9 chỉ số thành phần, đạt **30,24** điểm, xếp thứ hạng **16/34** tỉnh/thành phố.

- Chỉ số 6.1. Sáng tạo tri thức

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
6.1.1	Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích	8,75
6.1.2	Đơn đăng ký giống cây trồng	59,19

- Chỉ số 6.2. Tài sản vô hình

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
6.2.1	Đơn đăng ký nhãn hiệu	51,22
6.2.2	Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận	29,67
6.2.3	Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp	17,21
6.2.4	Đơn đăng ký Chỉ dẫn địa lý	13,27

- Chỉ số 6.3. Lan tỏa tri thức

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
6.3.1	Số doanh nghiệp mới thành lập	7,48
6.3.2	Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN	40,91
6.3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	38,34

*** Đánh giá:**

(1) Điểm mạnh: Đăng ký giống cây trồng, nhãn hiệu đạt mức khá (51 - 59 điểm), có tiềm năng với nhóm sản phẩm đặc thù của tỉnh; doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đang hình thành, tạo nền tảng hệ sinh thái mới (38 - 40 điểm).

(2) Điểm yếu: Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích thấp (8,75 điểm), điều này cho thấy ít tài sản trí tuệ có giá trị thương mại cao;

Đăng ký kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý còn hạn chế; số doanh nghiệp mới thành lập chưa nhiều (7,48 điểm).

7. Trụ cột 7: Tác động

Trụ cột 7 gồm 03 nhóm chỉ số, có 8 chỉ số thành phần, đạt **57,44** điểm, xếp thứ hạng **09/34** tỉnh/thành phố.

- Chỉ số 7.1. Tác động đến sản xuất kinh doanh

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
7.1.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	66,53
7.1.2	Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên	73,74
7.1.3	Giá trị xuất khẩu đạt	43,20
7.1.4	Tốc độ tăng năng suất lao động	57,12

- Chỉ số 7.2. Tác động đến xã hội

Mã chỉ số	Nội dung đánh giá	Điểm
7.2.1	Tốc độ giảm nghèo	34,50
7.2.2	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	100,00
7.2.3	Thu nhập bình quân đầu người	53,91
7.2.4	Chỉ số phát triển con người	30,56

* Đánh giá:

(1) Điểm mạnh: Hoạt động sản xuất công nghiệp có xu hướng tăng (66,53 điểm), phản ánh sự cải thiện về quy mô sản xuất; sản phẩm OCOP đạt kết quả tích cực (73,74 điểm), cho thấy chất lượng sản phẩm địa phương được nâng cao, góp phần hình thành chuỗi giá trị và thương hiệu hàng hóa; tốc độ tăng năng suất lao động (57,12 điểm), cho thấy có chuyển biến nhất định trong ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và tổ chức sản xuất. Tỷ lệ lao động có việc làm (100 điểm), thể hiện mức độ tham gia thị trường lao động cao, tạo điều kiện duy trì thu nhập và ổn định xã hội; Thu nhập bình quân đầu người (53,91 điểm), có tăng trưởng nhưng chưa cao; phản ánh đời sống kinh tế có cải thiện so với giai đoạn trước.

(2) Điểm yếu: Giá trị xuất khẩu (43,20 điểm), cho thấy thị trường xuất khẩu chưa đa dạng, quy mô kim ngạch còn nhỏ; Năng suất lao động tăng nhưng chưa bền vững, chưa dựa trên nền tảng công nghệ cao; chỉ số phát triển con người (HDI) còn thấp, cần tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ giáo dục - y tế và điều kiện sống. Chỉ số giảm nghèo còn thấp (34,50 điểm), cho thấy hiệu quả thoát nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn hiện hữu.

Phụ lục II
NHIỆM VỤ THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chỉ số	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Tài liệu minh chứng
1.1.1	Tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh theo ngành/lĩnh vực phụ trách, trọng tâm gồm các nội dung sau: - Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; phát triển tài sản trí tuệ; triển thị trường khoa học và công nghệ; Chuyển đổi số. - Hỗ trợ phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Luật Công nghệ cao). - Hỗ trợ phát triển sản phẩm nông nghiệp địa phương (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số). - Phát triển và thu hút nhân lực. - Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, phát triển dịch vụ logistics. - Phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	UBND xã, phường	Thường xuyên	Chương trình, Kế hoạch, Nghị quyết,...
2.1.2	Tỷ lệ Học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND xã, phường	Hàng năm	Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả tổng hợp.

2.1.3	Tỉ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề từ ngân sách địa phương/GRDP Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề từ ngân sách địa phương, gồm: (i) Chi thường xuyên từ ngân sách địa phương, (ii) Chi đầu tư từ ngân sách địa phương.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm	Báo cáo Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh của UBND trình HĐND phê duyệt.
2.2.2	Tỉ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP Chi khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương gồm: (i) Chi thường xuyên (sự nghiệp), (ii) Chi đầu tư phát triển.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	Báo cáo Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh của UBND trình HĐND tỉnh phê duyệt.
2.2.4	Số tổ chức KH&CN/10.000 dân	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường	Thường xuyên	Danh sách tổ chức KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp
3.2.2	Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp.	Ban quản lý Khu kinh tế	UBND xã, phường	Hàng năm	Báo cáo của Ban quản lý Khu kinh tế gửi Bộ Tài chính báo cáo tình hình xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp, Khu kinh tế hàng năm.
5.2.1	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức KH&CN, Doanh nghiệp	Thường xuyên	Danh sách Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.
5.2.2	Tỉ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên 1,000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.	Ban quản lý Khu kinh tế	UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo của Ban Quản lý Khu kinh tế gửi Bộ Tài chính báo cáo tình hình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế hàng năm.

5.2.3	Tỉ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trên 1,000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn của Sở Công Thương gửi UBND tỉnh.
6.3.2	Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1000 doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, Doanh nghiệp	Thường xuyên	Danh sách doanh nghiệp KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp
6.3.3	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	UBND xã, phường, Doanh nghiệp	Thường xuyên	- Danh sách các doanh nghiệp, dự án tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ. - Danh sách doanh nghiệp mới thành lập do Sở Tài chính cung cấp.
7.1.2	Số lượng sản phẩm OCOP/10.000 dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	Thường xuyên	Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi UBND tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm hàng năm trong đó có kèm danh sách các sản phẩm đã được công nhận.
	Thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng về: GRDP, Đóng góp trong GDP cả nước; Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động; Tổng số doanh nghiệp mới thành lập; Dân số trung bình; Số đơn vị hành chính cấp xã và số liệu KT-XH.	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính	UBND xã, phường	Hàng năm	Văn bản thể hiện các số liệu